

Bản án số: 154/2017/HS-PT
Ngày: 06/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thúy Phượng**
Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đông**
Ông **Nguyễn Tuấn Long**

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Văn Nhơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 171/2017/TLPT-HS ngày 05 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Phan Thị Anh T do có kháng cáo của bị cáo và người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 163/2017/HSST ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Phan Thị Anh T (Bé Lớn) sinh ngày 11 tháng 01 năm 1971 tại Nha Trang, Khánh Hòa; nơi ĐKNKTT: Số 99/8 đường H, phường V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở: Thôn D, xã B, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Anh L và bà Nguyễn Thị T; có chồng và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**** Người bị hại có kháng cáo:*** Bà **Đỗ Thị M** (Bé Năm), sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ 13 Đ, phường V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 29/3/2017, Phan Thị Anh T nhờ Nguyễn Ngọc L dùng xe máy của mình chở ra khu vực chợ Vĩnh Hải, do không gặp được M nên T nói với L chở ra khu vực Hòn Sên, tổ 13 Đường Đệ, phường Vĩnh Hòa, thành phố

Nha Trang tìm M. Trên đường đi thì thấy vợ chồng chị M đang đi trên đường, T hỏi chị M “Sao em không đóng tiền cho chị”, chị M trả lời “Bữa giờ em không bán nên không có tiền đóng” rồi cùng chồng bỏ đi. Nghe vậy, T nói với L chạy đuổi theo. Khi thấy chị M xuống xe đi bộ lên một con dốc thuộc tổ 13 Đường Đê, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, T cũng xuống đi bộ theo, còn L đứng chờ dưới dốc. Khi đuổi kịp chị M, T nói “Sao tao nói chuyện với mày mà mày cứ bỏ đi, sao mày khinh thường tao vậy, mày nợ tiền tao mà như tao nợ tiền mày vậy”, chị M trả lời “*Không có tiền đưa*” rồi quay lưng bỏ đi. Lúc này T thấy chị M đeo một sợi dây chuyền vàng (có trọng lượng 02 chỉ vàng 98%) trên cổ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt với mục đích buộc chị M trả tiền, còn nếu chị M không chịu trả tiền thì lấy sợi dây chuyền để trừ nợ. T dùng tay giật lấy sợi dây chuyền trên cổ chị M rồi bỏ đi xuống nơi L đang chờ để chở về. Khi bị T giật giắt dây chuyền, chị M truy hô “*cướp, cướp*” rồi điều khiển xe máy chở mẹ ruột là bà Hồ Thị T đuổi theo T. Khi đuổi kịp, chị M yêu cầu T trả lại sợi dây chuyền nhưng T không trả. T nói chị M cùng đến Cơ quan Công an làm việc nhưng chị M không đồng ý và không đuổi theo nữa. T cầm sợi dây chuyền vừa giật được mang về nhà. Sau đó, chị M đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

Đến 13 giờ 30 phút ngày 30/3/2017, Phan Thị Anh T mang sợi dây chuyền đến Cơ quan công an đầu thú và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản định giá tài sản số 117/TCKH ngày 18/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Nha Trang kết luận: 01 sợi dây chuyền và 98% có giá trị là 6.980.000 đồng (sáu triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng).

Bản án hình sự sơ thẩm số 163/2017/HSST ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Thị Anh T 01 (một) năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24/8/2017 bị cáo Phan Thị Anh T có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 25/8/2017 người bị hại Đỗ Thị M có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và người bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Bị cáo trình bày: Việc bị cáo giật dây chuyền của chị M không phải để bán lấy tiền tiêu xài, mà bị cáo làm vậy để chị M tới gặp bị cáo, lúc đó bị cáo sẽ yêu cầu chị M trả nợ tiền cho bị cáo, nếu chị M không trả tiền thì bị cáo sẽ cản trở khoản nợ.

Người bị hại trình bày: Bị cáo T đã biết lỗi làm nên đề nghị Tòa xử cho bị cáo T được cải tạo ở ngoài xã hội để bị cáo có điều kiện làm ăn bình thường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm; chuyển tội danh và xét xử bị cáo về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”

theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bị hại, giảm hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

* Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo và người bị hại còn trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

* Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Giữa bị cáo và người bị hại có quan hệ vay mượn tiền bạc để làm ăn, bị cáo cho người bị hại (chị M) vay số tiền là 10.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận trả góp mỗi ngày 100.000 đồng trong vòng 150 ngày. Sau khi vay tiền, chị M không trả góp đều như đã thỏa thuận, chỉ trả được tiền một số ngày rồi sau đó không trả. Vì vậy, khoảng 09 giờ ngày 29/3/2017, bị cáo đã nhờ Nguyễn Ngọc L chở ra nhà chị M để đòi nợ. Khi thấy chị M xuống xe đi bộ lên một con dốc thuộc tổ 13 Đường Đệ, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, bị cáo cũng xuống xe đi bộ theo. Khi đuổi kịp chị M, bị cáo đã yêu cầu chị M trả nợ theo cam kết, nhưng chị M nói “*không có tiền*” và quay lưng bỏ đi. Bực tức vì thấy chị M nợ tiền không trả lại còn bỏ đi nên bị cáo đã giật sợi dây chuyền trên cổ chị M để buộc chị M trả tiền nợ. Sau đó, bị cáo đi bộ xuống dốc, nơi L đang chờ để chở về nhà.

Như vậy, ý thức chủ quan của bị cáo trong trường hợp này không phải chủ tâm chiếm đoạt tài sản của chị M để bán lấy tiền tiêu sài, mà việc bị cáo giật lấy sợi dây chuyền trên cổ chị M là nhằm mục đích để buộc chị M trả nợ, còn nếu chị M không chịu trả tiền thì lấy sợi dây chuyền để cầm trừ nợ (sợi dây chuyền có trọng lượng 2 chỉ vàng 98% có giá trị là 6.980.000 đồng). Mặt khác, sau khi giật lấy tài sản, bị cáo không nhanh chóng tẩu thoát (là dấu hiệu của hành vi khách quan của tội cướp giật tài sản) mà vẫn đi bộ từ từ xuống dốc (nơi L đang đứng đợi). Hơn nữa, khi chị M dùng xe máy chở mẹ của chị M đuổi theo bị cáo và hô “*cướp, cướp*”, thì bị cáo còn yêu cầu chị M cùng bị cáo đến Cơ quan Công an để giải quyết sự việc, nhưng chị M không đồng ý nên bị cáo mới đi về nhà. Điều đó thể hiện bị cáo không có ý thức cướp giật tài sản của chị M, mà hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo, giật lấy sợi dây chuyền của chị M là nhằm để gây áp lực, buộc chị M phải trả nợ cho bị cáo hoặc nếu không sẽ cầm trừ nợ. Đây chính là dấu khách quan của hành vi dùng thủ đoạn khác để chiếm đoạt tài sản là dấu hiệu của tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự.

Việc cấp sơ thẩm xử bị cáo về tội “*Cướp giật tài sản*” là không đúng ý thức chủ quan và hành vi khách quan của bị cáo, nhưng do tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”

nhẹ hơn tội “*Cướp giật tài sản*”, nên cấp phúc thẩm sửa nội dung này của bản án sơ thẩm và chuyển tội danh đối với bị cáo sang tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”.

Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Chỉ vì người bị hại nợ tiền không trả theo cam kết mà bị cáo đã tự do hành xử trái pháp luật, lấy tài sản của người khác để gây áp lực buộc người bị hại phải trả nợ cho mình là hành vi vi phạm pháp luật. hành vi của bị cáo không những xâm phạm tài sản của người khác, mà còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm minh đối với bị cáo để giữ gìn kỷ cương pháp luật.

Tuy nhiên, xét thấy trong vụ án này bị cáo phạm tội cũng do có một phần lỗi của người bị hại đã không thực hiện đúng cam kết vay tiền nên đã phần nào gây nên sự bức xúc cho bị cáo. Bản thân bị cáo là nhân dân lao động, nhất thời phạm tội, trình độ văn hóa thấp nên không hiểu biết pháp luật. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội, bị cáo đã nhận thấy sai phạm của bản thân nên đã ra đầu thú, trả lại tài sản cho người bị hại, khai báo thành khẩn, biết ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Mặt khác, người bị hại cũng kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội. Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo và người bị hại. Tuy nhiên, mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù là phù hợp, nhưng xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng bảo đảm tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về án phí: Vì kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lý trên;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm b, đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thị Anh T và người bị hại Đỗ Thị M; Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 135; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phan Thị Anh T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo** về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho UBND xã V, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TP. Nha Trang;
- Công an TP. Nha Trang;
- THADS TP. Nha Trang;
- Bị cáo; Lưu HS

Lê Thúy Phượng